

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12/7/2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 12/7/2023, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phan Nguyễn Anh T – Sinh năm: 1997, địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông Trần Huỳnh Cao N – Sinh năm: 1994, địa chỉ: Số 52/8 đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú hiện nay: Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đ – Địa chỉ thôn 4, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phan Nguyễn Anh Thư trình bày:*

Bà Phan Nguyễn Anh T kết hôn với ông Trần Huỳnh Cao N vào ngày 02/4/2015, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, sau đó ông Nguyễn cai nghiện tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đ – Địa chỉ thôn 4, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay ông Trần Huỳnh Cao N đồng ý ly hôn và giải quyết để bà T nuôi con chung, nên bà Phan Nguyễn Anh T đề nghị

được ly hôn với ông Trần Huỳnh Cao N và giải quyết vấn đề con chung, bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Phan Anh K – Sinh ngày: 14/7/2016 và cháu Trần Phan Tuấn A – Sinh ngày: 28/4/2015 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn ông Trần Huỳnh Cao N trình bày:*

Ngày 02/4/2015, bà T và ông N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà T có nguyện vọng xin được ly hôn với ông N thì ý kiến của ông N là đồng ý. Hiện nay ông N không có điều kiện để chăm sóc con cái, nên ông N và bà T đã thống nhất để bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Phan Anh K – Sinh ngày: 14/7/2016 và cháu Trần Phan Tuấn A – Sinh ngày: 28/4/2015 đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và công nợ: Ông N đồng ý với ý kiến của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến tự khai của nguyên đơn, bị đơn, phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn bà Phan Nguyễn Anh T, bị đơn ông Trần Huỳnh Cao N. Bà Phan Nguyễn Anh T và ông Trần Huỳnh Cao N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phan Nguyễn Anh T và ông Trần Huỳnh Cao N theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Phan Nguyễn Anh T và ông Trần Huỳnh Cao N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2015, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Nguyễn Anh T, ý kiến và nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông N có xảy ra mâu thuẫn. Bà Phan Nguyễn Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Trần Huỳnh Cao N và ông N cũng đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Phan Nguyễn Anh T và ông Trần Huỳnh Cao N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận

đơn khởi kiện của bà Phan Nguyễn Anh T, cho bà Phan Nguyễn Anh T được ly hôn ông Trần Huỳnh Cao N.

Về con chung: Bà Phan Nguyễn Anh T và ông Trần Huỳnh Cao N có 02 con chung là cháu Trần Phan Anh K – Sinh ngày: 14/7/2016 và cháu Trần Phan Tuấn A – Sinh ngày: 28/4/2015. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu đều đang sinh sống với bà T và bà T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu. Ông N cũng đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, nên cần giao 02 cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Ông Trần Huỳnh Cao N được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Nguyễn Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Huỳnh Cao N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 241, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Nguyễn Anh T. Cho bà Phan Nguyễn Anh T được ly hôn với ông Trần Huỳnh Cao N.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Phan Anh K – Sinh ngày: 14/7/2016 và cháu Trần Phan Tuấn A – Sinh ngày: 28/4/2015 cho bà Phan Nguyễn Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Ông Trần Huỳnh Cao N được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Phan Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn

nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Phan Nguyễn Anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001373 ngày 01/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND phường T, tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Đức Mạnh